

THÔNG TƯ

CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ 67/2006/TT-BTC NGÀY 18 THÁNG 7 NĂM 2006 HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 191/2004/QĐ-TTg ngày 8/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 7/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn cơ chế cho vay của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích tại văn bản số 3534 VPCP-KTTH ngày 05/7/2006 của Văn phòng Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí; Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, có bảng cân đối, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng trong nước.

2. Quỹ là đơn vị hạch toán tập trung, thực hiện chế độ tài chính và quyết toán thu chi tài chính theo chế độ quy định tại Thông tư này; miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động sau:

- Hỗ trợ chi phí phát triển và duy trì cung ứng dịch vụ viễn thông công ích trong từng giai đoạn.

- Cho vay ưu đãi đối với các doanh nghiệp viễn thông, Internet thực hiện đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông, Internet phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Các hoạt động khác của Quỹ phải nộp thuế theo quy định hiện hành.

3. Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông giao vốn thuộc sở hữu Nhà nước cho Quỹ.

4. Giám đốc Quỹ và Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, giám sát việc sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả.

5. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Bưu chính, Viễn thông thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ.

II. VỐN VÀ TÀI SẢN

1. Vốn hoạt động của Quỹ gồm:

1.1. Vốn điều lệ bao gồm:

- 200 tỷ đồng do Ngân sách Nhà nước cấp.
- 300 tỷ đồng trích bổ sung từ các khoản đóng góp hàng năm của các doanh nghiệp viễn thông theo quy định tại khoản 2 điều 6 của Quyết định 191/2004/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ trong 3 năm kể từ khi Quỹ đi vào hoạt động.

1.2. Các khoản đóng góp hàng năm của các doanh nghiệp viễn thông theo quy định hiện hành, bao gồm:

- Đóng góp theo doanh thu dịch vụ (trừ cước kết nối):
 - + Dịch vụ viễn thông di động, mức đóng góp là 5% doanh thu.
 - + Dịch vụ điện thoại đường dài quốc tế, dịch vụ thuê kênh đường dài quốc tế, mức đóng góp là 4% doanh thu.
 - + Dịch vụ điện thoại đường dài trong nước, dịch vụ thuê kênh đường dài trong nước, mức đóng góp là 3% doanh thu.
- Cước kết nối bổ sung (nếu có).

1.3. Vốn để thực hiện các chương trình, dự án về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Nhà nước giao.

1.4. Tiền viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

1.5. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng cho các mục tiêu:

2.1. Hỗ trợ các đối tượng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thuộc Chương trình viễn thông công ích của Chính phủ trên cơ sở khả năng tài chính của Quỹ. Việc hỗ trợ được thực hiện thông qua các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông bằng các hình thức:

- Hỗ trợ chi phí phát triển và duy trì dịch vụ viễn thông theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từ nguồn đóng góp hàng năm của các doanh nghiệp viễn thông.
- Cho vay vốn ưu đãi đối với các doanh nghiệp viễn thông và Internet thực hiện đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông, Internet và các cơ sở vật chất phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

2.2. Thực hiện các chương trình, dự án về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Nhà nước giao.

2.3. Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định:

Tổng nguồn vốn đầu tư XD CB, mua sắm TSCĐ không vượt quá 5% vốn điều lệ hiện có và được hình thành từ các nguồn: khấu hao tài sản cố định, quỹ đầu tư phát triển, vốn điều lệ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước.

Việc đầu tư, mua sắm tài sản cố định; trích lập và sử dụng khấu hao tài sản cố định của Quỹ được thực hiện theo các quy định như đối với công ty Nhà nước. Hàng năm, Quỹ xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định trình Bộ Buu chính, Viễn thông xem xét, phê duyệt và thực hiện công tác đầu tư, mua sắm trong phạm vi kế hoạch được duyệt.

2.4. Đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu Chính phủ từ nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi không có nguồn gốc từ Ngân sách Nhà nước.

Vốn hoạt động của Quỹ năm trước kết dư được chuyển sang năm sau sử dụng cho các mục tiêu theo kế hoạch được duyệt.

3. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn vốn trong quá trình hoạt động bằng các hình thức:

- Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro nghiệp vụ và các loại bảo hiểm khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Khi xảy ra rủi ro, tổn thất vốn, tài sản, Quỹ phải kịp thời xác định rõ nguyên nhân, mức độ tổn thất và lập phương án xử lý:

- + Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể và cá nhân thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- + Nếu tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

- Trường hợp xảy ra tổn thất do nguyên nhân khách quan bất khả kháng, được sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp theo quy định tại mục III của Thông tư này.

4. Hàng năm, Quỹ phải cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn cho hoạt động; thực hiện kế hoạch hoá các nguồn vốn hoạt động; sử dụng nguồn vốn được ngân sách nhà nước cấp theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan.

5. Kiểm kê tài sản:

Quỹ phải thực hiện kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu trong các trường hợp sau:

- Khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

- Thực hiện quyết định, chia tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu.

- Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc khi có biến động về tài sản.

- Theo quyết định, chủ trương của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

6. Đánh giá lại tài sản:

6.1. Quỹ thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- Theo Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Thu hồi tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ.

- Thanh lý, nhượng bán tài sản.

6.2. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản (trừ khoản thu hồi tài sản thế chấp, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ khi chủ đầu tư không trả được nợ) được hạch toán tăng, giảm nguồn vốn theo quy định như đối với công ty Nhà nước.

7. Quỹ được thanh lý, nhượng bán các tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả.

Khi thanh lý tài sản, Quỹ phải định giá tài sản và tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật. Chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí của Quỹ.

III. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VÀ CHO VAY VỐN CỦA QUỸ

1. Đối tượng hỗ trợ và cho vay vốn của Quỹ

1.1. Là các dịch vụ viễn thông công ích thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 7/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010.

1.2. Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định cụ thể đối tượng hỗ trợ và cho vay vốn của Quỹ sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

2. Nguyên tắc, điều kiện, mức và phương thức hỗ trợ vốn

2.1. Nguyên tắc hỗ trợ

- Chi hỗ trợ chi phí cung cấp các dịch vụ viễn thông công ích thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại điểm 1, phần III thông tư này và có trong kế hoạch năm đã được Bộ Bưu chính, Viễn thông thông qua.

- Việc hỗ trợ chi phí phát triển và duy trì dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện thông qua các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Việc cấp phát vốn hỗ trợ theo tiến độ công việc, thực hiện cấp tạm ứng hàng quý và quyết toán hàng năm.

2.2. Lập kế hoạch hỗ trợ

- Hàng năm, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích lập kế hoạch hỗ trợ gửi Quỹ.

- Căn cứ vào Chương trình cung cấp viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; căn cứ kế hoạch vốn bổ sung và nhu cầu hỗ trợ của các đối tượng, Quỹ tổ chức tuyển chọn, thẩm định các dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được tài trợ theo các quy định của Nhà nước; tổng hợp và trình Bộ Bưu chính, Viễn thông xem xét, quyết định.

2.3. Điều kiện nhận hỗ trợ

- Doanh nghiệp có thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

- Nằm trong kế hoạch năm đó được Bộ Bưu chính, Viễn thông phê duyệt;

- Có đầy đủ hồ sơ tài liệu đề nghị Quỹ hỗ trợ theo quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông (bảng kê danh mục, số lượng dịch vụ, biên bản nghiệm thu khối lượng dịch vụ hoàn thành, xác nhận của cơ quan thẩm quyền,...).

2.4. Mức và phương thức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ cho các doanh nghiệp để phát triển và duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được xác định trên cơ sở định mức hỗ trợ do Bộ Bưu chính, Viễn thông ban hành sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.

Mức hỗ trợ = Số lượng sản phẩm, dịch vụ công ích (x) Định mức hỗ trợ

- Quỹ trực tiếp cấp phát vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hoặc ủy thác qua các tổ chức tài chính, ngân hàng cấp phát. Việc ủy thác phải được thực hiện thông qua Hợp đồng ủy thác ký kết giữa Quỹ và cơ quan nhận ủy thác, trong đó quy định rõ trách nhiệm của bên ủy thác và bên nhận ủy thác, bảo đảm thực hiện đúng quy định về cấp vốn hỗ trợ phát triển và duy trì dịch vụ viễn thông công ích.

2.5. Tạm cấp và quyết toán

a) Tạm cấp

- Hàng quý, doanh nghiệp nhận hỗ trợ lập hồ sơ thanh toán khối lượng dịch vụ viễn thông công ích thực tế của quý trước đồng thời đề nghị Quỹ cấp tạm ứng cho quý tiếp theo.

- Hồ sơ đề nghị tạm cấp vốn bao gồm:

+ Đề nghị tạm cấp vốn bằng văn bản của doanh nghiệp;

+ Kế hoạch về số lượng, sản phẩm dịch vụ viễn thông công ích cung cấp trong năm và quý; kế hoạch vốn cấp hỗ trợ từ Quỹ cho doanh nghiệp theo năm và chi tiết cho quý.

+ Hồ sơ thanh toán số lượng, sản phẩm dịch vụ viễn thông công ích thực tế cung cấp trong quý trước quý đề nghị tạm cấp (từ quý II trở đi).

- Mức tạm ứng hàng quý tối đa bằng 75% kế hoạch vốn hỗ trợ của quý; mức thanh toán hàng quý tối đa bằng kế hoạch vốn hỗ trợ của quý.

b) Quyết toán

- Kết thúc năm (31/12), Quỹ và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện việc quyết toán vốn cấp hỗ trợ.

- Căn cứ vào kế hoạch vốn, định mức hỗ trợ và số lượng sản phẩm dịch vụ viễn thông công ích thực tế đó cung cấp trong năm, Quỹ thực hiện phê duyệt quyết toán vốn cấp phát cho các doanh nghiệp nhận hỗ trợ và xử lý:

+ Cấp bổ sung trong trường hợp số quyết toán lớn hơn số đó tạm cấp;

+ Thu hồi phần chênh lệch hoặc khấu trừ vào kế hoạch năm tiếp theo (nếu doanh nghiệp tiếp tục thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích) trong trường hợp số quyết toán nhỏ hơn số đó tạm cấp.

3. Nguyên tắc, điều kiện, mức vốn vay, thời hạn, lãi suất vay vốn và trích lập dự phòng rủi ro

3.1. Nguyên tắc cho vay

- Chỉ cho vay các dự án phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ viễn thông công ích thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại điểm 1, phần III thông tư này và có trong kế hoạch năm đó được Bộ Bru chính, Viễn thông thông qua.

- Việc cho vay vốn phát triển và duy trì dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện thông qua các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Việc giải ngân vốn vay được thực hiện theo tiến độ công việc hoàn thành của dự án vay vốn.

3.2. Điều kiện cho vay

- Thuộc đối tượng cho vay theo quy định;

- Nằm trong kế hoạch năm đó được Bộ Bru chính, Viễn thông phê duyệt;

- Dự án vay vốn đã hoàn thành các thủ tục về đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định;

- Doanh nghiệp vay vốn có phương án tài chính khả thi và có khả năng trả nợ vốn vay khi đến hạn được Quỹ thẩm định và chấp thuận cho vay;

- Có đầy đủ hồ sơ tài liệu đề nghị Quỹ cho vay theo quy định của Quỹ.

3.3. Mức vốn cho vay, thời hạn và lãi suất cho vay

- Mức vốn cho vay tối đa bằng 70% tổng mức đầu tư của dự án.

- Thời hạn cho vay tối đa không quá 10 năm.

- Lãi suất vay vốn bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ thời hạn 5 năm do Hội đồng quản lý Quỹ xác định; việc điều chỉnh lãi suất cho vay không quá 2 lần/năm. Lãi suất vay vốn cố định trong suốt thời hạn vay; lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất vay.

3.4. Trích lập dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro

- Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay các dự án thực hiện đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông, Internet và các dự án khác phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích sau khi sử dụng tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) để giảm trừ tổn thất.

- Việc trích lập Quỹ dự phòng rủi ro được thực hiện mỗi năm một lần khi kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ trích hàng năm bằng 0,5% tính trên dư nợ cho vay của Quỹ.

- Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang quỹ dự phòng rủi ro năm sau.

- Thẩm quyền xử lý rủi ro: Bộ Bưu chính, Viễn thông chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính quyết định việc xử lý rủi ro (gia hạn nợ, xoá nợ) trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ và Hội đồng quản lý đối với các trường hợp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng.

4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

4.1. Doanh nghiệp viễn thông nhận hỗ trợ và vay vốn

- Sử dụng vốn hỗ trợ và vốn vay đúng mục đích; hoàn trả vốn vay (gốc, lãi) đầy đủ, đúng hạn.

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho Quỹ thẩm định trước khi hỗ trợ, cho vay vốn theo quy định và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ, tài liệu đã cung cấp.

- Thực hiện hạch toán kế toán các khoản nhận hỗ trợ, vay vốn từ Quỹ và tuân thủ các quy định của pháp luật về thuế đối với doanh nghiệp.

4.2. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích

- Thực hiện cấp phát và quyết toán vốn hỗ trợ, cho vay vốn theo đúng quy định.

- Theo dõi, tổng hợp và báo cáo việc thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Quỹ hỗ trợ, cho vay.

- Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn do Quỹ hỗ trợ thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; đình chỉ việc hỗ trợ hoặc thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện có vi phạm các quy định về sử dụng vốn.

4.3. Bộ Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ trong việc hỗ trợ, cho vay thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; xem xét phê duyệt quyết toán vốn hỗ trợ, cho vay phát triển và duy trì dịch vụ viễn thông công ích hàng năm của Quỹ.

IV. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Thu nhập của Quỹ là toàn bộ các khoản phải thu trong năm, phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác của Quỹ, bao gồm:

1.1. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ:

- Thu từ hoạt động cho vay của các dự án vay vốn đầu tư của Quỹ gồm: lãi cho vay và các khoản thu khác.

- Thu lãi tiền gửi của Quỹ;

- Thu lãi từ hoạt động mua, bán trái phiếu Chính phủ;
- Thu hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác;

1.2. Thu nhập khác:

- Các khoản thu phạt;
- Thu thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ (sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán);
- Thu chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ khi chủ đầu tư không trả được nợ.
- Thu nợ đã xoá nay thu hồi được;
- Các khoản thu nhập hợp pháp khác.

2. Chi phí của Quỹ là các khoản phải chi cần thiết cho hoạt động của Quỹ, nằm trong kế hoạch được phê duyệt, có hoá đơn tài chính, chứng từ hợp pháp. Mức chi được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật chưa có quy định, Quỹ căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Các khoản chi phí phải nằm trong kế hoạch tài chính năm được Bộ Bưu chính, Viễn thông phê duyệt, bao gồm:

2.1. Chi hoạt động nghiệp vụ:

- Chi phí dịch vụ thanh toán;
- Chi phí uỷ thác;
- Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro;
- Khoản chi, phải chi khác cho hoạt động nghiệp vụ.

2.2. Chi phí quản lý:

2.2.1. Chi cho người lao động làm việc tại Quỹ:

- Chi lương, phụ cấp lương, ăn ca theo chế độ đối với công ty Nhà nước; Quỹ thực hiện quản lý đơn giá tiền lương theo quy định đối với công ty Nhà nước.
- Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định;
- Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý, cán bộ làm việc bán chuyên trách; chi thuê chuyên gia, lao động hợp đồng ngắn hạn.

- Chi cho lao động nữ theo quy định.

2.2.2. Chi cho hoạt động quản lý và công vụ:

- Chi mua sắm công cụ lao động, vật tư văn phòng;
- Chi khấu hao tài sản cố định;
- Chi về cước phí Bưu điện và truyền tin: Gồm chi về bưu phí, truyền tin, điện báo, telex, fax...trả theo hoá đơn của cơ quan bưu điện;
- Chi điện, nước, y tế, vệ sinh cơ quan;
- Chi xăng dầu vận chuyển phục vụ cán bộ, công chức, viên chức đi công tác theo chế độ Nhà nước quy định;
- Chi công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác trong và ngoài nước thanh toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;

- Chi phí tuyên truyền, hợp báo không vượt quá 3% tổng chi phí và trong phạm vi kế hoạch tài chính được duyệt;

- Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo kế hoạch tài chính hàng năm;

- Chi đào tạo; huấn luyện nghiệp vụ; nghiên cứu khoa học;

- Chi phí quản lý khác theo quy định trong phạm vi kế hoạch tài chính được duyệt.

2.2.3. Chi trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc

Mức trích từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/04/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về việc làm.

Nếu Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc hàng năm không chi hết thì được chuyển số dư sang năm sau. Trường hợp, Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc làm trong năm tài chính thì toàn bộ phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí quản lý trong kỳ.

2.3. Chi hoạt động tài chính:

- Chi phí cho hoạt động mua, bán trái phiếu Chính phủ;

- Chi phí cho thuê tài sản;

2.4. Các khoản chi, phải chi khác:

- Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định.

- Chi bảo hiểm tài sản và chi các loại bảo hiểm khác theo quy định.

- Chi chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ;

- Chi hỗ trợ cho các hoạt động của Đảng, đoàn thể của Quỹ theo quy định của Nhà nước (không bao gồm các khoản chi ủng hộ các đoàn thể, địa phương, các tổ chức xã hội và cơ quan khác).

- Khoản chi, phải chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

- Các khoản thiệt hại đã được Chính phủ hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường.

- Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính.

- Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- Các khoản chi cho sửa chữa, bảo dưỡng và trang thiết bị các tài sản phúc lợi; công trình phúc lợi.

- Các khoản chi ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác.

- Các khoản chi vượt định mức do Nhà nước quy định.

- Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.

V. PHÂN PHỐI THU NHẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

1. Phân phối thu nhập

Chênh lệch thu, chi tài chính hàng năm sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật, được phân phối theo thứ tự sau :

- Trích quỹ đầu tư phát triển tối thiểu bằng 30%;
- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi, mức trích hai quỹ tối đa bằng 3 tháng lương thực hiện, tỷ lệ phân chia 2 quỹ do Hội đồng quản lý quyết định.
- Số còn lại sau khi trích lập các quỹ trên, được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển.

2. Mục đích sử dụng các quỹ

2.1. Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

2.2. Quỹ khen thưởng dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng định kỳ cho cán bộ viên chức của Quỹ. Mức thưởng do Giám đốc quyết định trên cơ sở năng suất lao động, thành tích của mỗi cán bộ, viên chức làm việc tại Quỹ.

- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể của Quỹ có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả. Mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định.

- Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ có quan hệ, đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ quyết định.

2.3. Quỹ phúc lợi dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Quỹ, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị theo hợp đồng thoả thuận.

- Chi cho các hoạt động thể thao, văn hoá, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức Quỹ.

- Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, viên chức Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

- Đóng góp cho Quỹ phúc lợi xã hội và chi các hoạt động phúc lợi khác.

Giám đốc Quỹ phối hợp với Ban chấp hành công đoàn Quỹ để quản lý, sử dụng quỹ này.

VI. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN THỐNG KÊ VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Quỹ áp dụng chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành để hạch toán kế toán các hoạt động của Quỹ.

2. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm lập, báo cáo Bộ Buu chính, Viễn thông phê duyệt kế hoạch tài chính và gửi báo cáo Bộ Tài chính. Kế hoạch tài chính được phê duyệt bao gồm:

- Kế hoạch vốn hàng năm gồm: vốn điều lệ Ngân sách cấp bổ sung; vốn Ngân sách Nhà nước cấp cho các mục tiêu theo quy định; vốn đóng góp hàng năm của các doanh nghiệp viễn thông theo quy định; vốn thu hồi nợ vay.

- Kế hoạch sử dụng vốn gồm: kế hoạch cho vay ưu đãi; kế hoạch hỗ trợ phát triển và duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản kèm theo thuyết minh chi tiết.
- Kế hoạch thu - chi tài chính kèm theo thuyết minh chi tiết về các mục thu, chi và các định mức chi tiêu cụ thể.
- Kế hoạch biên chế, quỹ lương.

Các kế hoạch trên là căn cứ để Quỹ thực hiện và quyết toán với cơ quan có thẩm quyền.

3. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập trước khi trình Bộ Bru chính, Viễn thông thẩm tra, phê duyệt.

Định kỳ (quý, năm) Quỹ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo tài chính cho Bộ Bru chính, Viễn thông, Bộ Tài chính theo quy định tại chế độ kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính của Quỹ thực hiện như quy định đối với doanh nghiệp nhà nước.

4. Quỹ phải thực hiện công khai tài chính theo quy định pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ quy định tại Thông tư này, Hội đồng quản lý Quỹ hướng dẫn các quy trình nghiệp vụ về cấp phát và cho vay vốn phát triển và duy trì dịch vụ viễn thông công ích làm cơ sở để Quỹ thực hiện.

2. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết.

KT. BỘ TRƯỞNG

Thứ trưởng

đã ký

Trần Xuân Hà